

UBND TỈNH LẠNG  
SƠN                      SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 249 /BC-STC

*Lạng Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2017*

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình giá cả thị trường Lạng Sơn và công tác quản lý Nhà nước về giá 6 tháng đầu năm; phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017.**

#### **I. Tình hình chung:**

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh: Chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ tăng 4,48%; Chỉ số giá trong tháng 6/2017 tăng 0,75% so với tháng 5/2017; so với tháng 12/2016 tăng 2,58%;

Xét cơ cấu nhóm hàng tăng bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là thuộc nhóm Thuốc bệnh và dịch vụ y tế tăng 77,23%; Nhóm Giáo dục tăng 37,86%; Nhóm giao thông tăng 8,83%; Nhóm hàng giảm mạnh nhất bình quân 6 tháng đầu năm 2017 so với cùng kỳ chủ yếu ở các nhóm hàng lương thực giảm 0,85%, nhóm hàng thực phẩm giảm 4,65%, chủ yếu giảm mặt hàng thịt lợn, giảm khoảng 45.000 đ/kg đến 50.000 đ/kg thịt lợn mỏng sản;

- Chỉ số Giá vàng bình quân 6 tháng đầu năm 2017 so với cùng kỳ tăng 7,46%; Chỉ số giá đô la Mỹ tăng bình quân sáu tháng đầu năm 2017 so với cùng kỳ là 1,67%

Diễn biến cụ thể từng nhóm hàng 6 tháng đầu năm như sau:

**1. Nhóm hàng Lương thực - Thực phẩm:** Nhóm hàng lương thực giảm nhẹ, chủ yếu mặt hàng gạo, ngô; Giá các loại gạo trong 6 tháng đầu năm có biến động quý I dao động khoảng 13.000 đ/kg – 13.500 đ/kg; Quý II giảm nhẹ mức giá khoảng 12.000 đ/kg -13.000 đ/kg;

Nhóm hàng thực phẩm giảm chủ yếu ở các mặt hàng thịt gia súc, Giá thịt lợn quý I: mức giá mông sản dao động khoảng 65.000 đ/kg đến 75.000 đ/kg; Quý II: mức giá thịt lợn mông sản dao động từ 50.000 đ/kg -60.000 đ/kg; Giá mặt hàng gia súc tháng 1,2 có biến động tăng do thời điểm này rơi vào dịp sát tết và dịp tết Nguyên đán, giá thịt gà ta dao động phổ biến 150.000 đ/kg -160.000 đ/kg; giá thịt vịt: 60.000 đ/kg -70.000 đ/kg; Cuối quý I và Quý II, giá gia cầm giảm nhẹ. Giá gà ta: 130.000 đ/kg đến 135.000 đ/kg, giá vịt: 40.000 đ/kg -50.000 đ/kg;

Giá các Rau tươi tăng, giảm chủ yếu ở mặt hàng như bắp cải, su hào, cà chua, bí xanh, rau cải các loại, nguyên nhân do thời tiết thuận lợi cho các loại rau xanh sinh trưởng, phát triển nhanh, do đó nguồn cung mặt hàng rau củ tăng khiến giá cả mặt hàng rau, củ giảm;

Giá hàng thực phẩm công nghệ như, sữa, bánh kẹo; nhóm hàng đồ uống và thuốc lá có chiều hướng tăng vào dịp tết Nguyên đán 2017; sau Tết Nguyên đán 2017 giá các loại thực phẩm công nghệ ổn định.

**2. Nhóm hàng may mặc, đồ dùng gia đình và nhóm giáo dục:** Nhóm mặt hàng này bình quân 6 tháng đầu năm tăng 2,88% so cùng kỳ; Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao trong dịp tết Nguyên đán và thời tiết chuyển mùa, nhu cầu mua sắm người dân tăng cao.

**3. Nhóm hàng Vật liệu xây dựng, xăng dầu:** Nhóm hàng này bình quân 6 tháng đầu năm tăng 2,59% so với cùng kỳ; tăng chủ yếu vật liệu bảo dưỡng nhà ở nhóm hàng gas và chất đốt giảm nhẹ, hiện nay ở mức là 260.000 đ/bình; Giá xăng dầu 6 tháng đầu năm được điều chỉnh 11 lần, hiện nay mức giá điều chỉnh giảm ở mức: Giá xăng 92: 16.830 đồng/lít; Dầu Diesel 0.05%S: 13.080 đồng/lít; Dầu hỏa: 11.600 đồng/lít.

**4. Giá Vàng, Đô la Mỹ và Tiền Trung Quốc:** Giá Vàng nhìn chung tăng nhẹ và chỉ giảm trong tháng 3 và tháng 6/2017; mức giá bán ra tại thời điểm báo cáo giá vàng SJC là 3.634.000 đ/chỉ; Giá dollar Mỹ bán ra tăng giảm từng ngày, giá trung bình tại thời điểm tháng 6 là: 22.720 VNĐ/USD

Tỷ giá bán ra giữa Tiền Trung Quốc và đồng Việt Nam tăng giảm theo ngày, mức giá hiện nay 3.300 VNĐ/CNY.

## **II. Công tác quản lý chỉ đạo giá của Sở Tài chính:**

### **1. Công tác thông tin báo cáo:**

Thực hiện công tác thông tin thị trường giá cả giữa các địa phương, báo cáo đầy đủ, chính xác những thông tin giá cả về Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Lãnh đạo Sở để nắm bắt và có biện pháp xử lý trong công tác điều hành quản lý kinh tế.

### **2. Công tác tham mưu ban hành VBQPPL và cơ chế chính sách:**

Trong 6 tháng đầu năm 2017, Phòng Quản lý giá và Công sản đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL sau:

- Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh phê duyệt về Quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh;
- Trình UBND tỉnh phê duyệt đơn giá dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo định mức quy định tại Quyết định số 592/QĐ-BXU ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng;
- Tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ năm Khóa XVI tổng số 23 dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về mức thu, tỷ lệ % để lại cho cơ quan tổ chức thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh áp dụng thực hiện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (trong đó có 14 khoản phí, 07 khoản lệ phí và 01 Nghị quyết bãi bỏ các khoản phí, lệ phí không có trong danh mục phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh theo quy định hiện hành).

### **3. Công tác triển khai Luật phí và lệ phí 2015, áp dụng thực hiện từ ngày 01/01/2017; chuyển một số nội dung từ phí sang giá:**

Thực hiện Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; trong đó có quy định về thẩm quyền và hình thức định giá đối với các dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí và lệ phí; Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh kịp thời có văn bản chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục thực hiện mức thu phí, lệ phí trong thời gian HĐND tỉnh chưa ban hành Nghị quyết cụ thể thực hiện Luật Phí, lệ phí, để kịp thời đảm bảo thực hiện thu theo mức thu phí, lệ phí hiện hành đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Hiện nay Sở Tài chính đang tham mưu cho UBND tỉnh ban hành giá dịch vụ vệ sinh môi trường (thay phí vệ sinh môi trường); giá dịch vụ trông xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh; giá dịch vụ sử dụng diện tích bàn hàng tại chợ (thay phí chợ);

Thực hiện thẩm định 04 phương án giá hàng hóa, dịch vụ đối với những sản phẩm chuyên ngành, gồm giá dịch vụ công ích thủy lợi, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; giá chi trả dịch vụ chi trả môi trường rừng; đơn giá cước và phương pháp tính giá cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô.

Đối với giá hàng hóa, dịch vụ còn lại do Nhà nước định giá, các cơ quan chuyên ngành đang tiếp tục triển khai thực hiện.

Chỉ đạo các doanh nghiệp xây dựng phương án và ban hành Quyết định giá, thực hiện niêm yết, kê khai giá đối với 12 khoản Nhà nước không định giá theo quy định của Luật Giá.

Rà soát các quy định về phí, lệ phí tại cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc theo chỉ đạo của Bộ Tài chính.

#### **4. Công tác thẩm định phương án giá:**

##### 4.1- Về giá đất:

Thẩm định giá đất cụ thể để áp dụng thực hiện công tác BT, HT GPMB: Trong 6 tháng đầu năm 2017, Sở Tài chính là cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh, đã thực hiện thẩm định 05 phương án giá đất cụ thể áp dụng trong công tác BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất;

Thẩm định giá khởi điểm đầu giá quyền sử dụng đất, giá thuê đất, hệ số điều chỉnh giá đất: Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan thẩm định giá khởi điểm và xây dựng phương án bán đấu giá 03 khu đất gồm: Khu Bách Hóa tổng hợp thuộc huyện Cao Lộc; Khu đất Trạm Xăng dầu cũ thuộc huyện Lộc Bình; khu đất 56 Lê Lai trên địa bàn thành phố Lạng Sơn;

Xác định hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất và thuê đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất 02 phương án; 01 phương án giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê của doanh nghiệp;

Thẩm định 01 phương án giá giao đất TĐC thuộc dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn

Xác nhận số tiền nhận chuyển nhượng QSD đất được trừ vào tiền thuê đất phải nộp cho 04 đơn vị;

Thẩm định trình UBND tỉnh kế hoạch và phương án bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất năm 2017 trên địa bàn huyện, thành phố;

4.2- Về thẩm định giá mua sắm tài sản công: Trong 6 tháng đầu năm đã thực hiện thẩm định và trả lời 48 hồ sơ đề nghị về giá, sau thẩm định giảm 1.600 triệu đồng so với số tiền đề nghị thẩm định của đơn vị;

4.3- Tham gia ý kiến thẩm định 03 phương án tài chính đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hình thức đối tác công tư (PPP): Dự án Mở rộng, chỉnh trang đường Hùng Vương thành phố Lạng Sơn; Dự án khu dân cư Nam Nguyễn Đình Chiểu; Dự án khu tái định cư và dân cư nông thôn xã Hữu Khánh, huyện Lộc Bình.

Thẩm định 03 phương án giá dịch vụ và lập phương án giá dịch vụ xe ra, vào bến bãi;

4.4- Về một số nội dung thẩm định khác: Thẩm định đề cương nhiệm vụ dự toán xây dựng bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Lạng Sơn theo nội dung Tờ trình của Sở Xây dựng; Hướng dẫn trình tự thủ tục thực hiện xác định hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh.

#### **5. Công tác xử lý, định giá tài sản hàng hóa sung quỹ Nhà nước, định giá tài sản trong tổ tụng hình sự và quản lý tài sản:**

Cung cấp thông tin về giá các mặt hàng cho để áp dụng xử phạt vi phạm hành chính: 16 vụ (Phòng Cảnh sát kinh tế, Phòng Cảnh sát môi trường (PC49), Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Lạng Sơn; Cục Hải quan; Chi cục Quản lý thị trường;

Định giá tài sản trong tố tụng hình sự cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Lạng Sơn: 04 vụ;

Phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành định giá khởi điểm hàng hóa có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước để chuyển Trung tâm dịch vụ bán đấu giá - Sở Tư pháp tổ chức bán đấu giá tài sản.

### **6. Công tác bình ổn giá, kiểm tra giá:**

Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của tổ chức, cá nhân thực hiện và biểu mẫu đăng ký, kê khai giá của các tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký giá, kê khai giá theo quy định;

Kiểm tra thực hiện cam kết của 03 đơn vị thực hiện theo chương trình bình ổn giá năm 2017.

### **III. Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017**

**1.** Duy trì tốt công tác thông tin báo cáo giá về Cục quản lý giá - Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để kịp thời nắm bắt và có biện pháp xử lý trong điều hành quản lý kinh tế;

**2.** Công tác tham mưu ban hành văn bản QPPL: tiếp tục tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh về mức thu, và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND Về phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018. Thẩm định điều chỉnh Bảng giá các loại đất của tỉnh áp dụng thực hiện 05 năm (2015-2019);

Tiếp tục tham mưu xây dựng giá dịch vụ thuộc danh mục chuyên từ phí sang giá theo quy định của Luật Phí, lệ phí; ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**3.** Công tác thẩm định giá.

Thực hiện thẩm định giá đất cụ thể cho các dự án thực hiện công tác BT, HT GPMB khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; giá đất ở-đất TĐC các dự án; thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và phương án tính tiền thuê đất một lần cho các tổ chức, cá nhân theo quy định;

Thẩm định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất, các khu đất do UBND các huyện, thành phố trình; tham gia giám sát công tác đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Trung tâm đấu giá-Sở Tư pháp đối với các khu đất, trụ sở đã có Quyết định phê duyệt giá khởi của UBND tỉnh;

Thẩm định giá khởi điểm và phương án đấu thầu dịch vụ công: thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của UBND các huyện, thành phố Lạng Sơn; kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện;

Chủ trì kiểm tra, rà soát hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng lại phương án giá dịch vụ xe ra, vào bến bãi khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh;

Thẩm định giá, cung cấp thông tin về giá cho các cơ quan, đơn vị thảo đề nghị đối với việc mua sắm trang thiết bị, hàng hóa,...từ nguồn kinh phí NSNN theo đề nghị.

**4. Thực hiện giải quyết tốt các công việc phát sinh liên quan**

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường Lạng Sơn 6 tháng đầu năm; phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017./.

***Nơi nhận:***

- Cục Quản lý giá - Bộ TC

(B/c);

- UBND tỉnh (B/c);

- Lãnh đạo

Sở;

- CVP, VP Sở; các phòng: QLNS, TH-TK;

- Lưu QLG&CS, VT.

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
KT.GIÁM ĐỐC**

**Ngô Mai Hương**



**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG TỈNH LẠNG SƠN  
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC**

SỐ TT	NHÓM HÀNG HÓA	CHỈ SỐ BÌNH QUÂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC (%)
	<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>	<b>104,48</b>
1	<b>Hàng ăn và dịch vụ ăn uống</b>	97,43
	<i>Trong đó: 1- Lương thực</i>	99,15
	<b>2- Thực phẩm</b>	95,35
	<b>3- Ăn uống ngoài gia đình:</b>	102,98



2	<b>Đồ uống và thuốc lá</b>	100,51
3	<b>May mặc, mũ nón, giày dép</b>	102,88
4	<b>Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD</b>	102,59
5	<b>Thiết bị và đồ dùng gia đình</b>	103,28
6	<b>Thuốc và dịch vụ Y tế</b>	177,23
7	<b>Giao thông</b>	108,83
8	<b>Bưu chính viễn thông</b>	99,25
9	<b>Giáo dục</b>	137,86
10	<b>Văn hóa, giải trí và du lịch</b>	104,14
11	<b>Hàng hóa và dịch vụ khác</b>	105,26

12	Vàng 99,9%	107,46
13	Đô la Mỹ loại tờ 50-100 USD	101,67

## GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

### 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Mã hàng	Mặt hàng	ĐVT	Tháng 01/2017	Tháng 02/2017	Tháng 3/2017	Tháng 4/2017	Tháng 5/2017	Tháng 6/2017
1.001	Thóc tẻ thường	đ/kg	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
1.002	Gạo tẻ thường	đ/kg	13.000	13.000	13.000	12.500	12.500	12.500
1.003	Gạo tám thơm, nàg hương	đ/kg	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
1.004	Thịt lợn thăn	đ/kg	95.000	90.000	85.000	75.000	65.000	65.000

1.005	Thịt lợn mông sẵn	đ/kg	70.000	73.300	70.000	60.000	50.000	50.000
1.006	Thịt bò thăn loại I	đ/kg	290.000	286.600	280.000	260.000	260.000	260.000
1.007	Gà công nghiệp làm sẵn	đ/kg	80.000	80.000	76.000	76.000	76.000	76.000
1.008	Gà ta còn sống	đ/kg	145.000	146.700	139.000	130.000	130.000	130.000
1.009	Cá quả/lóc	đ/kg	85.000	86.700	80.000	80.000	80.000	80.000
1.010	Cá chép/trắm	đ/kg	75.000	90.000	75.000	65.000	65.000	65.000
1.011	Cá biển loại 4	đ/kg	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
1.012	Cá thu	đ/kg	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000
1.013	Giò lụa	đ/kg	160.000	160.000	144.000	120.000	120.000	120.000
1.014	Rau bắp cải/cải xanh	đ/kg	7.000	6.000	7.200	9.000	9.000	9.000
1.015	Su hào/bí xanh	đ/kg	7.000	6.000	7.600	8.000	7.500	7.000
1.016	Cà chua	đ/kg	9.000	6.300	7.400	8.000	9.000	12.000
1.017	Dầu ăn thực vật	đ/lít	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000
1.018	Muối hạt	đ/kg	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500
1.019	Đường RE	đ/kg	20.000	20.000	18.000	18.000	18.000	18.000
1.020	Sữa(*)	đ/hộp	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000
1.021	Bia chai	đ/két(24	185.000	180.000	170.000	170.000	170.000	170.000

	HN/SG	chai)						
1.022	Bia hộp HN/SG	đ/thùng(24 lon)	235.000	226.700	210.000	210.000	210.000	210.000
1.023	Cocacola chai	đ/két(24 chai)	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000
1.024	7 Up lon	đ/thùng(24 lon)	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000
1.025	Rượu vang nội đóng chai	đ/chai 750ml	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000
1.026	Thuốc cảm thông thường	đ/vi	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
1.027	Thuốc Ampi nội 250mg	đvi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
1.028	Lốp xe máy nội Loại 1	đ/chiếc	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000
1.029	Tivi 21'LG	đ/chiếc	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000
1.030	Tủ lạnh 180l 2 cửa	đ/chiếc	5.150.000	5.150.000	5.150.000	5.150.000	5.150.000	5.150.000
1.031	Phân U rê	đ/kg	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.000
1.032	Phân Dap	đ/kg	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	10.600
1.033	Xi măng PCB40	đ/kg	53.700	53.700	53.700	53.700	53.700	53.700
1.034	Thép XD phi 6-8	đ/kg	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	15.000
1.035	Ống nhựa phi 90	đ/mét	43.500	43.500	43.500	43.500	43.500	43.500

1.036	Ống nhựa phi 20	đ/mét	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
1.037	Xăng 92	đ/lít	17.940	18.110	17.650	17.570	17.400	16.830
1.038	Dầu hỏa	đ/lít	12.850	12.847	12.410	12.210	12.020	11.600
1.039	Điêden	đ/lít	14.320	14.393	14.100	13.720	13.520	13.080
1.040	Gas Petronas	đ/Bình/12Kg	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	250.000
1.041	Cước ô tô liên tỉnh	đ/vé	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
1.042	Cước taxi	đ/km	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
1.043	Cước xe buýt trong đô thị	đ/vé	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
1.044	Công may quần âu nam/nữ	đ/chiếc	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000
1.045	Trông giữ xe máy	đ/lần/chiếc	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
1.046	Vàng SJC 999	đ/chi	3.666.470	3.708.200	3.671.640	3.673.000	3.665.000	3.634.000
1.047	Đôla Mỹ (NHTM)	đ/USD	22.631	22.758	22.830	22.753	22.720	22.720
1.048	Nhân dân tệ	đ/NDT	3.241	3.249	3.273	3.274	3.272	3.300

